

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt phương án đấu giá QSD đất các lô đất ở tại Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực Cống 10, xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc đấu giá QSD đất các lô đất ở tại Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực Cống 10, xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá QSD đất ở tại xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

I. Người có tài sản đấu giá:

1. Đơn vị có tài sản đấu giá: UBND huyện Bố Trạch.

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc đấu giá QSD đất: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, Tiểu khu 3, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

II. Tên tài sản, số lượng, chất lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất ở đối với 63 thửa đất tại Dự án hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu vực Cống 10, xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch. Diện tích từ 160,0m²/thửa đến 307,2m²/thửa; Giá khởi điểm từ 1.120.000.000 đồng/thửa đến 2.580.000.000 đồng/thửa. Tổng giá khởi điểm 63 thửa đất là 88.859.000.000 đồng. Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài (có thông tin các thửa đất kèm theo).

III. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Mọi tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và các tiêu chí khác do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch quy định, cụ thể như sau:

A. Tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá.

1. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.
2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2.1 Tổ chức đấu giá tài sản có trụ sở đăng ký có địa chỉ cụ thể, rõ ràng.

2.2 Trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ đấu giá: máy vi tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy, thùng đựng phiếu trả giá đảm bảo an toàn, bảo mật và các phương tiện khác đảm bảo cho việc đấu giá.

(Cung cấp hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, tài liệu chứng minh các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho việc đấu giá)

2.3 Có trang thông tin điện tử đang hoạt động.

3. Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả

3.1 Phương án đáp ứng đúng với quy định của pháp luật, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan và hiệu quả (thuyết minh đầy đủ, rõ ràng trình tự thực hiện và đề xuất các công việc do đơn vị thực hiện).

3.2 Phương án đề xuất được các giải pháp để giải quyết các vấn đề khác phát sinh khi tổ chức cuộc đấu giá.

3.3 Phương án đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng dìm giá.

3.4 Phương án xây dựng thực hiện đảm bảo an toàn, an ninh cho cuộc đấu giá.

3.5 Phương án xác định phương thức thu, nộp và trả tiền đặt trước, tiền lãi phát sinh từ tiền đặt trước.

3.6 Phương án đấu giá đề xuất thêm các hình thức, địa điểm thông báo, niêm yết khác ngoài hình thức, địa điểm theo quy định của pháp luật hoặc cách thức khác tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá.

4. Năng lực, kinh nghiệm, uy tín của tổ chức đấu giá tài sản:

4.1 Có 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất.

(Kèm theo bản sao chứng thực giấy đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc quyết định thành lập để chứng minh)

4.2 Số lượng đấu giá viên: có từ 02 đấu giá viên trở lên, các đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản đã tham gia bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

(Kèm theo bản sao chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ đấu giá viên, hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đấu giá viên để chứng minh)

4.3 Chứng minh có 10 hợp đồng đấu giá thành đối với tài sản là quyền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm nộp hồ sơ. Trong đó có 02 hợp đồng đảm bảo yêu cầu mỗi hợp đồng có tổng giá

khởi điểm của các thửa đất đưa ra đấu giá từ 88 tỷ đồng/hợp đồng trở lên và tổng số các thửa đất đưa ra đấu giá trong mỗi hợp đồng từ 60 thửa đất trở lên.

(Kèm theo Hợp đồng đấu giá và Báo cáo kết quả đấu giá tài sản sau phiên đấu giá để chứng minh)

5. Đơn vị đăng ký phải cam kết bảo mật thông tin về cuộc đấu giá và thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định về đấu giá tài sản.

6. Các tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định:

- Có tài khoản tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện Bồ Trạch.

- Xây dựng phương án và cam kết đảm bảo an toàn số tiền đặt trước của khách hàng tại tài khoản của tổ chức đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về khoản tiền đặt trước của khách hàng nếu có sai sót.

- Xây dựng phương án phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định hiện hành, đảm bảo an toàn trong tình hình dịch bệnh hiện nay.

B. Đề xuất thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp

Trường hợp có một hay nhiều tổ chức đấu giá tài sản có hồ sơ đăng ký được đánh giá đạt tất cả các tiêu chí quy định tại Mục A nêu trên thì Tổ chức đấu giá tài sản đề xuất thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất và đảm bảo khung thù lao được quy định tại Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính là tổ chức được lựa chọn (mức thù lao dịch vụ đấu giá sử dụng để đánh giá không bao gồm phần giá trị 1% trên phần chênh lệch giá trị QSD đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm).

IV. Thành phần hồ sơ tham gia

- Đơn, văn bản đăng ký tham gia tổ chức đấu giá tài sản kèm phương án đấu giá (bản chính).

- Các hồ sơ theo yêu cầu của Tiêu chí đánh giá.

- Tổ chức đấu giá tài sản tham gia nộp hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính trung thực của hồ sơ, giấy tờ cung cấp.

V. Thời gian, địa điểm, hình thức nộp hồ sơ đăng ký:

- Thời gian: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 01/12/2021 (trong giờ hành chính các ngày làm việc).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bồ Trạch; Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, Tiểu khu 3, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Điện thoại liên hệ: 02323 611 868

- Hình thức nộp hồ sơ:


+ Hồ sơ đăng ký phải nộp trực tiếp (không nhận hồ sơ qua đường bưu điện)

+ Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị cử đến và phải còn hiệu lực.

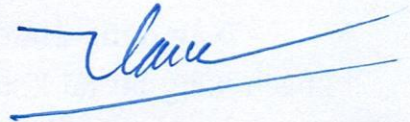
+ Không hoàn trả hồ sơ, không thông báo kết quả lựa chọn đối với các tổ chức đấu giá không được lựa chọn.

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bó Trách thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- UBND huyện; (b/c)
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về DGTS;
- Trang thông tin điện tử huyện Bó Trách;
- Lưu VT. 

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Phan Công Thắng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo số 167 ngày 25/11/2021 của Ban QLDA DDTXD&PTQĐ huyện Bó Trách)

| STT | Khu vực | Số thửa | TĐĐ | Diện tích (m ²) | Mục đích sử dụng | Giá khởi điểm (Đồng) | |
|-----|---------|---------|-----|-----------------------------|------------------|----------------------|--|
| 1 | Công 10 | 163 | 32 | 162,0 | ONT | 1.134.000.000 | |
| 2 | " | 166 | 32 | 163,2 | ONT | 1.142.000.000 | |
| 3 | " | 175 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 4 | " | 176 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 5 | " | 177 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 6 | " | 178 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 7 | " | 179 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 8 | " | 180 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 9 | " | 185 | 32 | 254,2 | ONT | 2.135.000.000 | |
| 10 | " | 186 | 32 | 281,6 | ONT | 2.365.000.000 | |
| 11 | " | 189 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 12 | " | 190 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 13 | " | 191 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 14 | " | 192 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 15 | " | 193 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 16 | " | 194 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 17 | " | 195 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 18 | " | 196 | 32 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 19 | " | 198 | 32 | 280,2 | ONT | 2.354.000.000 | |
| 20 | " | 199 | 32 | 256,4 | ONT | 2.154.000.000 | |
| 21 | " | 200 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 22 | " | 201 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 23 | " | 202 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 24 | " | 203 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 25 | " | 204 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 26 | " | 205 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 27 | " | 206 | 32 | 301,9 | ONT | 2.536.000.000 | |

| STT | Khu vực | Số thửa | TĐĐ | Diện tích (m ²) | Mục đích sử dụng | Giá khởi điểm (Đồng) | |
|-----|---------|---------|-----|-----------------------------|------------------|----------------------|--|
| 28 | " | 207 | 32 | 259,9 | ONT | 2.183.000.000 | |
| 29 | " | 208 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 30 | " | 209 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 31 | " | 210 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 32 | " | 211 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 33 | " | 212 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 34 | " | 213 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 35 | " | 214 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 36 | " | 215 | 32 | 298,7 | ONT | 2.509.000.000 | |
| 37 | " | 216 | 32 | 307,2 | ONT | 2.580.000.000 | |
| 38 | " | 217 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 39 | " | 218 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 40 | " | 219 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 41 | " | 220 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 42 | " | 221 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 43 | " | 222 | 32 | 160 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 44 | " | 227 | 32 | 232,5 | ONT | 1.628.000.000 | |
| 45 | " | 246 | 32 | 160 | ONT | 1.280.000.000 | |
| 46 | " | 247 | 32 | 160 | ONT | 1.280.000.000 | |
| 47 | " | 248 | 32 | 160 | ONT | 1.280.000.000 | |
| 48 | " | 249 | 32 | 160 | ONT | 1.280.000.000 | |
| 49 | " | 250 | 32 | 160 | ONT | 1.280.000.000 | |
| 50 | " | 251 | 32 | 264,8 | ONT | 2.542.000.000 | |
| 51 | " | 416 | 31 | 263,5 | ONT | 2.213.000.000 | |
| 52 | " | 417 | 31 | 192,2 | ONT | 1.345.000.000 | |
| 53 | " | 418 | 31 | 225,0 | ONT | 1.890.000.000 | |
| 54 | " | 419 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 55 | " | 420 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 56 | " | 421 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |

| STT | Khu vực | Số thửa | TBĐ | Diện tích (m2) | Mục đích sử dụng | Giá khởi điểm (Đồng) | |
|--------------------------|---------|---------|-----|-----------------|------------------|-----------------------|---|
| 57 | " | 422 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 58 | " | 423 | 31 | 238,3 | ONT | 2.002.000.000 | |
| 59 | " | 424 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 60 | " | 425 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 61 | " | 426 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 62 | " | 427 | 31 | 160,0 | ONT | 1.120.000.000 | |
| 63 | " | 428 | 31 | 268,1 | ONT | 2.252.000.000 | |
| Tổng cộng (63 lô) | | | | 11.835,1 | | 88.859.000.000 |  |